

Số:58/NQ-ĐHCD

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
của Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI ban hành theo quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Căn cứ vào nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI, ngày 15 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026; Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát nhiệm năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- | | |
|--|---------------------------|
| 2.1 Tổng doanh thu | : 365 tỷ đồng |
| 2.2 Lợi nhuận trước thuế tối thiểu đạt | : 2,725 tỷ đồng |
| 2.3 Trả cổ tức cổ đông | : 12 %/VĐL 12 tỷ đồng |
| 2.4 Tiền lương b/q cho 1 CBCNV | : 11.660.000đ/người/tháng |
| 2.5 Đầu tư xây dựng cơ bản | : 1,290 tỷ đồng |

3. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 của công ty đã được Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán. Phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ

3.1 Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2025

Nội dung	Số tiền (đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	122.614.485.592
2. Tài sản dài hạn	4.983.351.333
3. Nợ phải trả	109.704.481.678
4. Vốn chủ sở hữu	17.893.355.247
Trong đó + Vốn góp của CSH	12 000 000 000
+ LN sau thuế chưa PP năm 2025	3.258.061.922
+ Vốn khác của CSH	
+ Quỹ đầu tư phát triển	2 635 293 325
5. Doanh thu bán hàng	738.570.953.772

6. Giá vốn hàng bán	696.234.144.964
7. Lợi nhuận gộp	42.336.808.808
8. Doanh thu tài chính	193.271.149
9. Chi phí tài chính	5.537.026.821
10. Chi phí bán hàng	21.756.061.914
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.145.247.215
12. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	4.091.744.007
13. Thu nhập khác	105.020.000
14. Chi phí khác	170317.324
15. Lợi nhuận khác	87.702.676
16. Tổng lợi nhuận trước thuế	4.179.446.683
17. Số thuế phải nộp đến 01/01/2025	138 817 721
18. Số thuế phải nộp phát sinh năm 2025	22.960.941.934
19. Số thuế đã nộp trong năm 2025	20.668.164.258
20. Số thuế còn lại chuyển sang năm 2026	2.431.595.397

3.2 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 (Trích lập các quỹ, phân chia lợi nhuận)

Nội dung	Số tiền (đồng)
I. Doanh thu bán hàng 2025	738.570.935.772
1. Doanh thu bán hàng	738.570.935.772
II. Phân phối lợi nhuận năm 2025	
1. Tổng lợi nhuận trước thuế	4.179.446.683
- Các khoản không được trừ khi xác định thuế TNDN	222.757.324
+ Phụ cấp HĐQT, BKS thành viên không tham gia sản xuất	205.440.000
+ CP lãi vay vượt mức theo NĐ 132	
+ Truy thu thuế giá trị gia tăng	17.317.324
2. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.402.204.007
3. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	921.384.761
+ Thuế TNDN (20%)	880.440.801
+ Bù trừ thuế TNDN nộp quá theo NĐ 132	
+ Truy thu thuế TNDN	40.943.960
4. Lợi nhuận sau thuế	3.258.061.922
5. Lợi nhuận phân phối	3.258.061.922
5.1 Trích quỹ đầu tư phát triển	
5.2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	1.578.061.922
Trong đó:	
- Quỹ khen thưởng người lao động	407.322.577
- Quỹ phúc lợi	950.419.345
- Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	220.320.000
5.3 Trả cổ tức (14% năm x 12 000 000 000)	1.680.000.000
+ Cổ tức cổ phần nhà nước	856.800.000
+ Cổ tức cổ phần phổ thông	823.200.000

4. thông qua ủy quyền để Hội đồng quản trị Công ty đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của công ty.

5. Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 và phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026:

1. Quyết toán thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2025 như sau:

- Tổng số tiền được quyết toán là: 371.760.000 đồng trong đó:

+ Chi trả thù lao HĐQT: 233.280.000 đồng

+ Chi trả thù lao BKS: 138.480.000 đồng

2. Kế hoạch mức chi trả thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2026:

Chức danh	Mức lương áp dụng tính thù lao	Tỷ lệ	Mức thù lao hàng tháng làm tròn số
Chủ tịch HĐQT	21 600 000 đồng	20%	4 320 000 đồng
Thành viên HĐQT	18 900 000 đồng	20%	3 780 000 đồng
Trưởng ban kiểm soát	19 900 000 đồng	20%	3 980 000 đồng
Thành viên BKS	18 900 000 đồng	20%	3 780 000 đồng

* Tạm ứng thù lao: Hàng tháng thành viên HĐQT, BKS được tạm ứng 80% mức thù lao kế hoạch, 20% số thù lao còn lại được giữ lại đơn vị và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính gắn với mức độ hoàn thành công việc của mỗi thành viên. Khoản tiền thù lao này được trả cho các thành viên HĐQT, BKS và các Cổ đông có người đại diện làm người quản lý tại Công ty không chuyên trách.

* Quyết toán thù lao: Căn cứ vào tiền thù lao đã trả hàng tháng và quỹ tiền thù lao thực tế được hưởng, để xác định phần tiền thù lao còn lại được hưởng đề nghị ĐHCĐ thông qua làm cơ sở để thanh quyết toán cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách. Trường hợp tiền thù lao tạm ứng vượt quỹ thù lao thực tế được hưởng thì thành viên HĐQT, BKS phải hoàn lại số tiền đã tạm ứng vượt so với số tiền được hưởng cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI.

6. Thông qua kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026

- Thông qua kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2026 với tổng số lao động tuyển dụng là 05 lao động

+ Trong đó 05 lao động công nghệ.

7. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty do cập nhật địa chỉ mới; điều chỉnh, cập nhật tên ngành và mã ngành kinh doanh

1. Cập nhật địa chỉ theo địa danh mới

- Số nhà 506 đường Hà Huy Tập, xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội

2. điều chỉnh cập nhật tên ngành và mã ngành kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng; - Mua bán các sản phẩm cơ khí;	4673 (Chính)
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, lúa) và động vật sống Chi tiết: - Buôn bán hoa và cây	4620
3	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh	0118
4	- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp	3320

6	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp, cầu trục, cổng trục, tời các loại	2816
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp đường dây và trạm điện đến 35KV; - Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;	4299
8	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Chế tạo, lắp đặt băng tải, nhà thép tiền chế và hàng kết cấu phi tiêu chuẩn. - Chế tạo thiết bị áp lực	3290
9	- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện Chi tiết: - Sửa chữa, hiệu chỉnh điện và thiết bị phòng nổ	3314
11	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác - Sửa chữa thiết bị thủy lực, thiết bị khai thác, thiết bị vận tải; - Sửa chữa và lắp đặt thiết bị áp lực;	3319
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống	4679
13	Xây dựng nhà không ở Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	4102
14	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Tư vấn đầu tư các công trình về thiết bị áp lực và cơ khí	6619
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

8. Chấp thuận và thông qua chủ trương và giao cho Giám đốc Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất theo điều 167 Luật doanh nghiệp đến khi có thay đổi.

TT	Tên doanh nghiệp/ người có liên quan	Địa chỉ	Lĩnh vực giao kết hợp đồng, giao dịch	Giá trị dự kiến (ĐVT Triệu đồng)
1	Công ty than Hạ Long – TKV	Số 18 tổ 15 khu 1B, phường Cửa Ông, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hóa và sửa chữa TĐT thiết bị	222.700
2	Công ty than	169 Lê Thánh Tông,	Hợp đồng	115.000

310
TỶ
ÂN
VÀ
ÁP L
MI
-TP.X

	Hòn Gai-TKV	Hồng Gai, Quảng Ninh	cung cấp dịch vụ hàng hoá	
3	Công ty Than Thống Nhất – TKV	Số 1 Lê Thanh Nghị, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá	50.000
4	Công ty CP Than Hà Tu-Vinacomin	Tổ 6, khu 3, Hà Tu, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá	80.000
5	Công ty than Khe Chàm-TKV	Khu 6, phường Mông Dương, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá	52.000
6	Công ty CP Than Mông Dương-Vinacomin	Tổ 7, khu3, Mông Dương, Quảng Ninh	Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá và sửa chữa TĐT thiết bị	49.000
		Tổng cộng		568.700

9. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030:

9.1 Kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Ông Lê Danh Thắng	1 432 470
2	Ông Trần Ngọc Anh	807 018

9.2 Kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Bà Bùi Thị Thúy Hà	1 129 016

8.3 Kết quả bầu chức danh Chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025-2030:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1	Ông Lê Danh Thắng	5/5

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong cả nhiệm kỳ đạt hiệu quả cao nhất.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty triển khai thực hiện nội dung nghị quyết này theo đúng quy định của Điều lệ công ty và tuân thủ các quy định, quy chế và pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Nơi nhận:

- B/c UB chứng khoán Nhà nước;
- B/c Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT, BKS, bộ máy điều hành công ty;
- Báo cáo Tổng công ty CNM Việt Bắc;
- Các cổ đông công ty;
- Website công ty
- Lưu HĐQT, HSĐH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Nguyễn Thạc Tân